

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC**

Số: 716 /UBND-KT

V/v thống nhất cho chủ trương
thực thực hiện công tác lập kế
hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Mộ Đức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộ Đức, ngày 27 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Sau khi xem xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 97/TTr-TNMT, ngày 07/6/2022 và đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 370/TTr-TCKH, ngày 22/6/2022, UBND huyện Mộ Đức thống nhất cho chủ trương thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Mộ Đức, với nội dung như sau:

1. Nội dung công việc thực hiện: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Mộ Đức.
2. Địa điểm thực hiện: Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Đơn vị thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.
4. Mục tiêu thực hiện: Thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Mộ Đức theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.
5. **Tổng kinh phí thực hiện** (khái toán): 1.458.202.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng*)
(*Có biểu tổng hợp dự toán kinh phí kèm theo, kinh phí thực hiện sẽ được chuẩn xác sau khi phê duyệt dự toán*)
6. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí ngân sách huyện (*Kinh phí trích từ tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, quản lý đất đai*) năm: 2022 - 2023.
7. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

Yêu cầu Thủ Trưởng các cơ quan: Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp phòng Tài nguyên và Môi trường huyện triển khai thực hiện đúng theo quy định hiện hành của nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- KBNN huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP: C, PVP, CVTH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Lân

DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Công văn số **716** /UBND-KT ngày **27/6/2022** của Chủ tịch UBND huyện)



TT	Khoản mục chi phí	Mức chi phí cho huyện trung bình (đồng)	Chi phí cho huyện Mộ Đức (đồng). Mh = Mh _{tb} x 1,26	Hệ số của huyện Mộ Đức				
				Áp lực về kinh tế (Kkt)	Áp lực về dân số (Kds)	Quy mô diện tích (Ks)	Đơn vị hành chính (Khc)	Áp lực về đô thị (Kdt)
I	ĐƠN GIÁ DỰ TOÁN (1+2)	888.260.367	1.119.208.062					
1	Chi phí trực tiếp	767.563.850	967.130.451					
	Ngoại nghiệp	111.238.774	140.160.855					
	Nội nghiệp	656.325.077	826.969.597					
a	Chi phí tiền công	611.072.253	769.951.039					
	Ngoại nghiệp	94.865.039	119.529.949	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
	Nội nghiệp	516.207.214	650.421.090	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
b	Chi phí dụng cụ	30.054.565	37.868.752					
	Ngoại nghiệp	10.564.054	13.310.709	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
	Nội nghiệp	19.490.510	24.558.043	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
c	Chi phí vật liệu	104.923.080	132.203.081					
	Ngoại nghiệp	4.423.680	5.573.837	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
	Nội nghiệp	100.499.400	126.629.244	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
d	Chi phí khấu hao và điện năng	21.513.953	27.107.580					
	Ngoại nghiệp	1.386.000	1.746.360	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
	Nội nghiệp	20.127.953	25.361.220	1,25	1,07	0,87	0,9	1,2
2	Chi phí chung	120.696.516	152.077.610					
	Ngoại nghiệp (20%)	22.247.755	28.032.171					
	Nội nghiệp (15%)	98.448.762	124.045.440					
II	CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ		1.208.744.707					
1	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Mộ Đức.	888.260.367 x 1,05 =	1.119.208.062					
2	Thuế giá trị gia tăng (8%)	1.119.208.062 x 8% =	89.536.645					
III	CHI PHÍ NGOÀI ĐƠN GIÁ		221.827.038					
1	Chi phí khảo sát, lập đề cương, Dự toán	1.119.208.062 x	48.349.788					
1.1	Chi phí lập đề cương dự toán	4% =	44.768.322					
1.2	Thuế giá trị gia tăng (8%)		3.581.466					
2	Chi phí thẩm định, xét duyệt sản phẩm dự án	1.119.208.062 x 6% =	67.152.484					
3	Chi phí công bố dự án	1.119.208.062 x 4% =	44.768.322					
4	Chi phí quản lý dự án	1.119.208.062 x 5,5% =	61.556.443					
IV	CHI PHÍ THẨM TRA QUYẾT TOÁN	1.119.208.062 + 251.004.614 x 0,57% =	7.643.900					
V	CHI PHÍ LẬP HS MỜI THẦU VÀ PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HS DỰ THẦU	1.119.208.062 x 0,861% =	9.636.381					
VI	CHI PHÍ KHÁC		10.350.000					

1	Chi phí thẩm định giá		8.000.000					
2	Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán		2.350.000					
	Tổng dự toán (II+III+IV+V+IV)		1.458.202.026					
	Lấy tròn		1.458.202.000					
(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, hai trăm lẻ hai nghìn đồng)								